| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 119/2021/DS-PT
Ngày: 05-4-2021
V/v "Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2020/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Võ Trường G, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Trường G – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

*(Ông K, bà L và ông G có mặt tại phiên tòa).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Do nhu cầu làm ăn kinh doanh và thông qua sự quen biết lối xóm nên ông Võ Trường G có nhờ mẹ của ông G là bà Lê Thị L đứng ra hỏi ông vay tiền để làm ăn. Sau khi thỏa thuận vào ngày 06-12-2019 ông có cho bà L vay số tiến là 1.100.000.000 đồng, bà L ký tên trong biên nhận và nhận tiền, khi làm ăn có hiệu quả hai bên thực hiện tốt việc thanh toán nợ, ông Trường G đã chuyển khoản trả nợ cho ông dứt điểm cả gốc lẫn lãi vào ngày 20-12-2019.

Đến ngày 21-12-2019, do nhu cầu cần vốn để xoay sở kinh doanh và đáo hạn ngân hàng bà L tiếp tục điện thoại hỏi ông vay thêm một lần nữa với số tiền là 1.150.000.000 đồng, ông không yêu cầu bà L viết biên nhận mới mà giữ lại biên nhận trước để làm căn cứ sau này, ông trực tiếp chuyển khoản cho ông Võ Trường G số tiền vay này. Vì vậy, nên bà L không yêu cầu ông xóa biên nhận cũng như chấm dứt việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L đứng tên tại thửa 472 diện tích 181,50 $m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP-588480 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15 tháng 04 năm 2014.

Nay ông yêu cầu bà L và ông Trường G liên đới trả cho ông số tiền 1.150.000.000 đồng, và tiền lãi theo thỏa thuận là 828.000.000 đồng.

*- Bị đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà khẳng định số tiền bà vay của ông K là 1.100.000.000đ *(Một tỷ một trăm triệu đồng)* và sau đó con trai bà là Võ Trường G đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho ông K theo các giấy chuyển khoản cụ thể:

Lần 1: chuyển trả 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 09/12/2019; lần 2: chuyển khoản trả 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 12-12-2019 (chuyển khoản 3 lần cùng ngày) và đã thanh toán đầy đủ số tiền lãi phát sinh là 41.880.000 đồng. Vì ông K cho bà L vay tiền với lãi suất 6000đ/1 triệu/ngày.

Bà L xác định số tiền bà vay đã được con trai bà là ông Võ Trường G thanh toán đầy đủ, vì chỗ cô cháu bà tin tưởng ông K sẽ tự xóa giấy vay tiền nhưng nay ông K lại lấy giấy vay tiền đó đòi bà với số tiền lớn hơn (1.978.000.000đ) là hoàn toàn sai sự thật vì sau lần đó bà L không còn nợ ông K bất cứ số tiền nào.

Vì đây là số tiền bà vay giùm cho ông Võ Trường G là con bà. Do đó bà yêu cầu Tòa án đưa ông Võ Trường G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trường G trình bày:*

Ông khẳng định ông Nguyễn Văn K kiện mẹ ông là bà Lê Thị L trả số tiền là 1.978.000.000 đồng là sai sự thật. Vì trước đó vào ngày 06-12-2019 mẹ ông chỉ mượn ông K số tiền là 1.100.000.000 đồng và sau đó ông đã chuyển trả lại số tiền 1.100.000.000 đồng lần lượt vào các ngày sau: Ngày 09-12-2019 là 180.000.000 đồng; ngày 12-12-2019 là 920.000.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền lãi là

41.880.000 đồng, ông K cho vay tiền lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau đó vào ngày 21-12-2019 ông có tiếp tục vay của ông K số tiền 1.150.000.000 đồng. Nhưng do làm ăn thất bại và dịch bệnh chung trên thế giới nên ông chưa hoàn trả lại cho ông K được, số tiền ông K cho ông vay theo hình thức chuyển khoản Ngân hàng.

Theo yêu cầu của ông K, ông đồng ý nhưng khi nào có tiền ông sẻ thanh toán cho ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 107/2020/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 464, và Điều 466, 468 khoản Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Buộc bà Lê Thị L và ông Võ Trường G liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền gốc và lãi là 1.262.949.166 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc là 1.150.000.000 đồng, tiền lãi là 112.494.166 đồng.

**2.** Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014 khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-01-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trường G nộp đơn kháng cáo với nội dung: Ông K trình bày số nợ 1.100.000.000 đồng ông G trả dứt điểm vào ngày 20-12-2019 là sai sự thật; Tòa án nhận định mẹ ông ký tên mượn tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là không đúng vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông G giao cho ông K trong lần vay 200.000.000 đồng trước đó; thực tế số tiền 1.150.000.000 đồng là do ông mượn ông K, mẹ của ông không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Số tiền 1.150.000.000 đồng do bà L hỏi mượn cho G sử dụng và ông đã chuyển số tiền này vào tài khoản của G, để đáo hạn ngân hàng nên thời hạn khoảng 01 tuần, lãi suất 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên là do G giao trước đó. Do bà L mượn tiếp khoản này

nên ông không xóa giấy nợ với số tiền 1.100.000.000 đồng và vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên.

*- Bị đơn bà Lê Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trường G trình bày:*

Số tiền 1.150.000.000 đồng là do G mượn của ông K, bà L không biết; mượn để đáo hạn ngân hàng, thời hạn khoảng 01 tuần, lãi suất 6.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên là do G giao trước đó.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông G kháng cáo cho rằng khoản vay 1.150.000.000 đồng là do ông vay của ông K, không liên quan đến bà L nhưng bà L không có kháng cáo, ông G không có quyền kháng cáo thay bà L. Ông K khởi kiện kèm theo biên nhận vay tiền trước đây, không chứng minh được bà L hỏi vay tiền. Ông G thừa nhận vay tiền ông K chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà L biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đứng tên đã thế chấp cho ông K trước đây nhưng không đòi ông K trả lại nên bản án sơ thẩm buộc bà L và ông G liên đới trả nợ là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông G. Cách tuyên án về trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông K là không phù hợp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Ông K cung cấp "Biên nhận" ngày 06-12-2019, với nội dung bà L có mượn số tiền 1.100.000.000 đồng, do bà Lê Thị L ký tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480 do bà Lê Thị L đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014. Ông K, bà L và ông G đều trình bày thống nhất là ngày 06-12-2019 bà Lê Thị L có hỏi ông K vay số tiền 1.100.000.000 đồng để cho con bà L là ông Võ Trường G kinh doanh, sau đó ông Võ Trường G có chuyển trả cho ông Nguyễn Văn K cả gốc lẫn lãi vào ngày 12-12-2019.

**[2]** Hiện nay biên nhận ngày 06-12-2019 (chưa xóa) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480 do bà Lê Thị L đứng tên do ông K đang giữ.

**[3]** Tại "Giấy nộp tiền" ngày 21-12-2019 của Sacombank, có nội dung: Ông Nguyễn Văn K nộp tiền mặt 1.150.000.000 đồng vào tài khoản của ông Võ Trường G.

**[4]** Ông K trình bày, do nhu cầu cần vốn để xoay sở kinh doanh và đáo hạn ngân hàng, bà L tiếp tục điện thoại hỏi ông vay thêm một lần nữa với số tiền là 1.150.000.000 đồng, ông không yêu cầu bà L viết biên nhận mới mà giữ lại biên nhận trước để làm căn cứ sau này, ông trực tiếp chuyển khoản cho ông Võ Trường G số tiền vay này. Vì vậy, bà L không yêu cầu ông xóa biên nhận cũ cũng như chấm dứt việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L đứng tên tại thửa 472 diện tích 181,50 $m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP-588480 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15 tháng 04 năm 2014. Bà L cho rằng khoản tiền vay 1.150.000.000 đồng do ông Trường G vay bà không biết, không liên quan với bà.

**[5]** Thấy rằng, lần vay 1.100.000.000 đồng do bà L ký tên và ông K còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L đứng tên. Đến lần vay 1.150.000.000 đồng, ông K vẫn giữ lại biên nhận ngày 06-12-2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị L đứng tên. Bà L không có yêu cầu xóa biên nhận ngày 06-12-2019 và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông K trình bày, ông cho ông G vay là vì uy tính của bà L và chính bà L là người trực tiếp vay ông mới chấp nhận giao tiền cho ông G là phù hợp với chứng cứ do ông K cung cấp. Trong các lần vay tiền, bà L viết biên nhận, ông G là người nhận tiền và bà L cũng là người thế chấp tài sản để được ông K cho vay. Như vậy, bà L và ông Trường G cho rằng việc ông G vay tiền của ông K, bà L không biết là không phù hợp nên không chấp nhận lời trình bày của bà L và ông G.

**[6]** Ông K và ông G thống nhất là ông G sử dụng tiền vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn khoảng 01 tuần. Ông K trình bày lãi suất 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng; ông G, bà L trình bày lãi suất 6.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Do có tranh chấp về lãi xuất nên tính lãi suất 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được tính từ ngày 21-12-2019 đến ngày 16-12-2020.

**[7]** Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, **b**uộc bà Lê Thị L và ông Võ Trường G có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 112.494.166 đồng (tính từ ngày 21-12-2019 đến ngày 16-12-2020: 1.150.000.000 đồng x 0,83% x 11 tháng 25 ngày), tổng cộng gốc và lãi 1.262.949.166 đồng là có căn cứ, đúng theo quy định tại các điều 288, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[8]** Ông G kháng cáo cho rằng số tiền 1.150.000.000 đồng là do ông mượn ông K, mẹ ông là bà L không biết là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, bà L không có kháng cáo, ông G không có quyền kháng cáo thay cho bà L.

**[9]** Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên tại thửa 472 diện tích 181,50 $m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014, bà L thế chấp để vay tiền trước đây. Tuy trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà L không có yêu cầu nhận lại. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà L có đề nghị ông K trả lại cho bà. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K trả lại cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số BP 588480, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014 (bản chính) là có căn cứ nhưng với điều kiện khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông K là không có căn cứ. Bởi lẽ, hợp đồng thế chấp giữa bà L và ông K chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai nên chưa có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc ông K trả lại cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014 (bản chính).

**[10]** Về án phí dân sự sơ thẩm

Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí cho bà L nhưng buộc ông Võ Trường G phải chịu toàn bộ án phí với số tiền 49.888.474 đồng là chưa phù hợp. Trong trường hợp này ông G chỉ chịu 24.944.237 đồng (49.888.474 đồng/2), nên cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí sơ thẩm.

**[11]** Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông G là có căn cứ.

**[12]** Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa một phần bản án sơ thẩm không liên quan kháng cáo nên ông G kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

**[13]** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Trường G;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 107/2020/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các điều 288, 357, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Buộc bà Lê Thị L và ông Võ Trường G có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 1.262.949.166 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi 112.494.166 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

**2.** Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 588480, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 15-04-2014 (bản chính).

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho bà Lê Thị L.

Buộc ông Võ Trường G phải chịu 24.944.237 đồng.

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí nên được hoàn trả 35.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001057 ngày 28-07-2020 của Chi Cục Thi hánh án dân sự huyện Tân Thạnh.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Võ Trường G phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001347 ngày 07-1-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh để thi hành án phí.

**5.** Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**